

Số : 295 /CBTT-HT

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 06 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức : **Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ**
 - Mã chứng khoán: HTG
 - Trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, P. Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
 - Điện thoại: 0236.3673215
 - Fax: 0236.3846290
 - Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Cường
 - Chức vụ: Giám đốc điều hành – Người ủy quyền Công bố thông tin
- Nội dung thông tin công bố:
 - Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/06/2025 tại đường dẫn: <https://hoatho.com.vn/quan-he-co-dong/dieu-le-quy-che/2025-3>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Đại diện tổ chức

NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT



Nguyễn Văn Cường



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY
HÒA THỌ**

Tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	2

CHƯƠNG II CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

Điều 3. Cung cấp thông tin cho Cổ đồng.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đồng.....	5
Điều 5. Điều lệ Tổng Công ty.....	7
Điều 6. Đại hội đồng cổ đồng.....	7
Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng.....	7
Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp thường niên, bất thường của Đại hội đồng cổ đồng.....	8
Điều 9. Thẻ thức tiến hành họp tại Đại hội đồng cổ đồng	11
Điều 10. Thủ tục, cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đồng.....	12
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đồng	12
Điều 12. Cách thức phân phối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng	13
Điều 13. Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đồng	13
Điều 14. Quyết định của Đại hội đồng cổ đồng.....	14
Điều 15. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đồng.....	14
Điều 16. Thủ tục lấy ý kiến cổ đồng bằng văn bản.....	15
Điều 17. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đồng.....	17
Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đồng	18
Điều 19. Chi phí liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đồng, lấy ý kiến cổ đồng bằng văn bản	18

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 21. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 22. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 23. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Hợp Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty	22
Điều 28. Thủ lao của Hội đồng quản trị.....	23

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị Tổng Công ty.....	24
Điều 30. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát	24
Điều 31. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	25
Điều 32. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát	26
Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	26
Điều 34. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm soát	27
Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	27

CHƯƠNG V BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 36. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Điều hành trong quản trị Tổng Công ty.....	28
Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Điều hành.....	28
Điều 38. Trình tự và thủ tục lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Điều hành	28
Điều 39. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành	29

CHƯƠNG VI
NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Người quản lý khác của Tổng Công ty và vai trò trong quản trị Tổng Công ty	30
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm người quản lý khác của Tổng Công ty	30
Điều 42. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý khác của Tổng Công ty	30

CHƯƠNG VII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 43. Nguyên tắc phối hợp	31
Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành và Người quản lý Tổng Công ty	31
Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	32
Điều 46. Các Trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	33
Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Ban Điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty	33

CHƯƠNG VIII
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI
LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác	34
Điều 49. Giao dịch với người có liên quan	35
Điều 50. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	35
Điều 51. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty	36

CHƯƠNG IX
BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin	37
Điều 53. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Tổng Công ty	37
Điều 54. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Tổng Công ty	37
Điều 55. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	37
Điều 56. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	37
Điều 57. Tổ chức công bố thông tin	38

CHƯƠNG X
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC

Điều 58. Xử lý vi phạm	38
Điều 59. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	38

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ là những cơ chế, quy định thông qua đó Tổng Công ty được điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất. Quy chế quản trị Tổng Công ty tạo lập một khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan khác của Tổng Công ty. Đồng thời, các nguyên tắc quản trị Tổng Công ty đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định trong Tổng Công ty, qua đó ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết cho Tổng Công ty. Mục tiêu lớn nhất của Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2025;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ.

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ (“**Quy chế**”) bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông của Tổng Công ty và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1. “Tổng Công ty” : là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ;
- 2.2. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được quy định trong Điều lệ của Tổng Công ty.
- 2.3. “Người quản lý khác” của Tổng Công ty bao gồm: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng.
- 2.4. Ban Điều hành” gồm có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc điều hành được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn.
- 2.5. “Cán bộ điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Tổng Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên;
- 2.6. “Quản trị Tổng Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Tổng Công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng Công ty bao gồm:
 - a) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - b) Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông;
 - c) Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - d) Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi và trách nhiệm liên quan đến Tổng Công ty;
 - e) Minh bạch trong hoạt động của Tổng Công ty;
 - f) Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Tổng Công ty có hiệu quả.
- 2.7. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- f) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - i. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - ii. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - iii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - iv. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - v. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - vi. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii khoản này;
 - vii. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v, vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó.

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Cung cấp thông tin cho Cổ đông

- 3.1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của Cổ đông mở tại thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông là thời điểm tên và thông tin của Cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty.

3.2. Thực hiện quyền được cung cấp thông tin của Cổ đông:

- a) Mọi Cổ đông đều được đối xử công bằng. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của các Cổ đông khác.
- b) Trình tự, thủ tục Cổ đông thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin:
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin quy định tại điểm (e) và (f) khoản 2 Điều 14 Điều lệ Tổng Công ty thực hiện theo trình tự sau:
 - + Cổ đông yêu cầu sửa đổi các thông tin chưa chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Đối với Cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng quản trị Tổng Công ty, thông qua bộ phận quan hệ cổ đông.
 - + Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; sổ biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với bộ phận quan hệ cổ đông để được cung cấp tài liệu và phải có trách nhiệm bảo mật thông tin được Tổng Công ty cung cấp. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả chi phí bưu điện cho Tổng Công ty trước khi nhận tài liệu.
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 của Điều lệ Tổng Công ty thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin thực hiện theo trình tự sau:
 - + Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân trụ sở chính của Tổng Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về Cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông.
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, phân công giải trình (nếu cần) và cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông trong thời hạn mười lăm **(15) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông; trường hợp từ chối yêu cầu thì phải trả lời cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông bằng văn bản.
 - + Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về vấn đề này.
 - + Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông phải trả phí cho Tổng Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả chi phí bưu điện nếu Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.

- Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện theo trình tự sau:
 - + Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo... phải đăng ký với bộ phận quan hệ cổ đông của Tổng Công ty. Bộ phận quan hệ cổ đông có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định làm việc trực tiếp với Cổ đông hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Bộ phận quan hệ cổ đông thông báo cho Cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).
- Bộ phận quan hệ cổ đông có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc và Cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ của Tổng Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

4.1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt là:

- a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Tổng Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- c) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tổng Công ty do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Tổng Công ty.

4.2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Tổng

Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho Tổng Công ty theo trách nhiệm của mình.

4.3. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- b) Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; và
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- c) Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- d) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi có thay đổi địa chỉ so với lần đăng ký trước cho Tổng Công ty;
- e) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng Công ty.
- g) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty;
- h) Bảo vệ lợi ích, tài sản, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty, tham gia các công việc chung của Tổng Công ty khi được phân công;
- i) Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- j) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại theo quy định tại Điều lệ này hoặc trường hợp Tổng Công ty bị giải thể hoặc phá sản. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu

trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

Điều 5. Điều lệ Tổng Công ty

- 5.1. Tổng Công ty phải xây dựng Điều lệ Tổng Công ty phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- 5.2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông

- 6.1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp thường niên và cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 6.2. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- 6.3. Quyền và nghĩa vụ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 7.1. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải tham dự họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty.

- 7.2. Cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định của Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 8. Thủ tục và trình tự tiến hành họp thường niên, bất thường của Đại hội đồng cổ đông

8.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Hội đồng quản trị triệu tập họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- b) Trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điều 8.1(a)(ii) hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định Điều 8.1(a)(iii) và Điều 8.1(a)(iv). Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.
- c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8.1(b) thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp 2020. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.
- d) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8.1(c) này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

8.2. Thông báo về việc lập và chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Hồ sơ thông báo thực hiện quyền (gồm Thông báo thực hiện quyền theo mẫu 07/THQ và các tài liệu kèm theo như quy định tại Điều 9.2.2 của Quyết định

02/QĐ-VSD về việc ban hành quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán) phải được gửi đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tối thiểu tám (08) ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng.

8.3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ vào danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách, Tổng Công ty gửi Thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt. Thông báo họp bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm và các thông tin liên quan các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, giấy uỷ quyền, được gửi ít nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ) đến các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Tổng Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc được thông báo bằng các phương tiện của Tổng Công ty. Ngoài ra, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cũng sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Nếu thông báo họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

8.4. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Để tạo điều kiện thuận lợi, Ban tổ chức do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chuẩn bị tốt các khâu phục vụ, từ tài liệu, chỗ ngồi, đến các phiếu biểu quyết,... nhằm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đạt một kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí, thời gian; Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gửi Thông báo kèm theo mẫu đăng ký tham dự cuộc họp đến các cổ đông. Các cổ đông gửi đăng ký tham dự cuộc họp về Ban tổ chức trước ngày họp ít nhất một (01) ngày. Nội dung đăng ký phải nêu rõ Tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu đến thời điểm chốt danh sách, địa chỉ, số điện thoại để tiện việc liên lạc khi cần thiết.
- b) Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Tổng Công ty hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

8.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

- 8.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất trong các trường hợp sau: Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Điều 8.5 ở trên; vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông; vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- 8.7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.
 - a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8.7.a ở trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
 - c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8.7.b ở trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 8.8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp với hội nghị trực tiếp.
- 8.9. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp với hội nghị trực tiếp hoặc các hình thức tương đương khác trong trường hợp xảy ra:
 - a) Các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, bạo động, khủng bố,... các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc;
 - b) Các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp.
- 8.10. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến kết hợp với hội nghị trực tiếp hoặc các hình thức tương đương khác, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước ít nhất hai mươi một (**21**) ngày, tính từ thời điểm khai mạc Đại hội theo các hình thức này, với nội dung cơ bản sau:
 - a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Điều kiện tiến hành;
- e) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu;
- g) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- h) Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng các hình thức này có thể được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp với từng lần Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

Điều 9. Thể thức tiến hành họp tại Đại hội đồng cổ đông

9.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 22.1 Điều lệ Tổng Công ty.

9.2. Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại Điều 9.2.a ở trên, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố;
- c) Chủ tọa cử không quá hai (02) Thư ký cuộc họp. Thư ký có trách nhiệm lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- d) Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá ba (03) người. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Đại hội đồng cổ đông phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa cuộc họp và Chủ tọa có thể xin ý kiến đại hội cử một số cổ đông có mặt tại cuộc họp hoặc một số nhân viên khác của Tổng Công ty giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong việc kiểm phiếu.

9.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

- 9.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng... trình bày các Báo cáo, Tờ trình từng vấn đề cần được biểu quyết trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.
- 9.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Điều 10. Thủ tục, cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 10.1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
- 10.2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông được phát một “Thẻ biểu quyết” do Tổng Công ty phát hành trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- 10.3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
- 10.4. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không có ý kiến và được Chủ tọa công bố ngay sau mỗi vấn đề tiến hành biểu quyết.
- 10.5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 10.6. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 11.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 11.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng Công ty;
 - b) Định hướng phát triển Tổng Công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm

toán của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

Điều 12. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

12.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ Công ty;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

12.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

12.3. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần thì thực hiện theo Quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông

13.1. Việc bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện bằng phiếu bầu cử.

13.2. Nguyên tắc bầu cử:

a) Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và đảm bảo dân chủ, công bằng;

b) Bầu cử trực tiếp theo hình thức bỏ phiếu kín.

13.3. Cách thức bầu cử: việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Những ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là những ứng cử viên:

a) Đạt được số phiếu hợp lệ nhiều hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao xuống thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định;

- b) Trường hợp xác định số ứng cử viên đạt phiếu bầu cử hợp lệ theo nguyên tắc trên, theo thứ tự từ trên xuống nhiều hơn số tối đa theo quy định do có nhiều người cùng đạt số phiếu thấp nhất bằng nhau thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại đối với riêng những người đó.

13.4. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm phiếu cho cổ đông được biết.

Điều 14. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo ra công chúng theo quy định của pháp luật vào từng thời điểm.

- 14.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Tổng Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty tính theo Báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán; và các vấn đề khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 146.6 của Luật Doanh nghiệp.
- 14.2. Trừ trường hợp trên và các trường hợp quy định tại Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 146.6 của Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- 14.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 15. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

- 15.1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 15.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 15.3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 15.4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 15.5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên website của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc, đồng thời, phải được lưu giữ các tài liệu này tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 16. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- 16.1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ khi nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.
- 16.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một

thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

16.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cá nhân đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
- d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
- e) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

16.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

16.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 16.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 16.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
- 16.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- 17.1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163.3 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 17.2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- 17.3. Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 17.4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị.
- 17.5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
- 17.6. Kết quả giám sát đối với các Cán bộ điều hành khác.
- 17.7. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- 18.1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 18.2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
- 18.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty.
- 18.4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ điều hành khác của Tổng Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ điều hành khác của Tổng Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 18.5. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác của Tổng Công ty.
- 18.6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- 18.7. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
- 18.8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.

Điều 19. Chi phí liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông cũng như lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ được Tổng Công ty chi trả. Các cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải tự chịu các chi phí, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị

- 20.1. Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này và được Đại hội đồng cổ đông bầu để quản lý Tổng Công ty.
- 20.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không ít hơn năm (05) người và không nhiều hơn mười một (11)

người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- 20.3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
- 20.4. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 20.5. Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty; chịu trách nhiệm đề ra định hướng và chiến lược kinh doanh phát triển của toàn công ty trong năm và dài hạn để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; quản lý hoạt động của Ban Điều hành theo đúng các quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.
- 20.6. Hội đồng quản trị thành lập các ban và tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm Tiểu ban Thư ký, Tiểu ban Tư vấn pháp lý, Tiểu ban Tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường... Việc thành lập và hoạt động của các Tiểu ban được thực hiện như sau:
 - a) Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các Tiểu ban trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc; trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Tiểu ban;
 - b) Một Tiểu ban phải có tối thiểu ba (03) thành viên bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty;
 - c) Hội đồng quản trị, khi thành lập các Tiểu ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Tiểu ban;
 - d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban phù hợp với quy chế làm việc của Tiểu ban do Hội đồng quản trị ban hành;
 - e) Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.

Điều 21. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

- 21.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật Doanh nghiệp.
- 21.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
- 21.3. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 22. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 22.1. Cổ công hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 22.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật.
- 22.3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên website Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
 - g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);
 - h) Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- 22.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo thủ tục bầu cử tại Điều 13.3 Quy chế này.
- 22.5. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 23. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.

Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 24.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ có liên quan của Tổng Công ty.
- 24.2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tổng Công ty.
- 24.3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- 24.4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Tổng Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty.
- 24.5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
- 24.6. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 25.1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ có liên quan của Tổng Công ty.
- 25.2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty.
- 25.3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty.
- 25.4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử,

bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

- 25.5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác.
- 25.6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

Điều 26. Hợp Hội đồng quản trị

- 26.1. Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 26.2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ và công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 27. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

- 27.1. Để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp.
- 27.2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- 27.3. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Làm biên bản các cuộc họp;
 - f) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

- i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- j) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

27.4. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong các trường hợp sau đây:

- a) Người phụ trách quản trị công ty không còn đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ Tổng Công ty;
- b) Người phụ trách quản trị công ty không hoàn thành nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng Công ty;
- c) Khi đơn từ nhiệm của người phụ trách quản trị công ty được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 28. Thù lao của Hội đồng quản trị

- 28.1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên và công bố rõ ràng cho cổ đông.
- 28.2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 28.3. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Tổng Công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
- 28.4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 28.5. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Tổng Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị Tổng Công ty

- 29.1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty là ba (03) thành viên.
- 29.2. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
- 29.3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.
- 29.4. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- 29.5. Ban Kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 30. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

30.1. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác;
- d) Không phải là Người quản lý Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác;
- e) Thường trú tại Việt Nam;
- f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
- g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

30.2. Tiêu chuẩn trưởng Ban Kiểm soát:

Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 31. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 31.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- 31.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- 31.3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên website Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của công ty khác);
 - e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có);
 - g) Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

Các ứng viên Ban Kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.

- 31.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo thủ tục bầu cử tại Điều 11.3 Quy chế này.
- 31.5. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 36.6 và 36.7 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 32. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát

- 32.1. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác phải cung cấp các thông tin và tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 32.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.
- 32.3. Tổng Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban Kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

- 33.1. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Tổng Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Tổng Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của Tổng Giám đốc, Cán bộ điều hành khác của Tổng Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông, và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty và cổ đông.
- 33.2. Ban Kiểm soát họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
- 33.3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Kiểm toán nội bộ và thành viên Kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban Kiểm soát quan tâm.
- 33.4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng

Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

- 33.5. Ban Kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- 33.6. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

Điều 34. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm soát

- 34.1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
- 34.2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
- 34.3. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban Kiểm soát. Những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
- 34.4. Trong trường hợp cần thiết, Trường Ban Kiểm soát có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành, kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập được chấp nhận tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Tổng Công ty.

Chương V

BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 36. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Điều hành trong quản trị Tổng Công ty

- 36.1. Ban Điều hành gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không quá (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 36.2. Ban Điều hành có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 36.3. Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty theo phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.
- 36.4. Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ trong Ban Điều hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quy định tại Quy chế này.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Điều hành

- 37.1. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
- 37.2. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành không được đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác, ngoại trừ trường hợp được HĐQT đề cử giữ các chức vụ nói trên tại các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty.

Điều 38. Trình tự và thủ tục lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Điều hành

- 38.1. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc trên cơ sở đề xuất của các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- 38.2. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc và đánh giá của Hội đồng quản trị.
- 38.3. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Điều hành.

Điều 39. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành

39.1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc

- a) Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được Hội đồng quản trị phân cấp, Tổng Giám đốc được toàn quyền ra các quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty không ngừng phát triển bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong từng thời kỳ;
- b) Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc có tính hiệu quả cao nhất đối với mọi cán bộ trong Tổng Công ty, trừ các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.

39.2. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành

- a) Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo mảng việc mà mình được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của Tổng Công ty trong từng thời kỳ;
- b) Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành có giá trị hiệu lực đối với Người quản lý khác và các cá nhân có liên quan trong Tổng Công ty tương tự như quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc;
- c) Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc được quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành do các Phó Tổng Giám đốc ban hành.

39.3. Báo cáo

- a) Tổng Giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ và khi yêu cầu theo quy định trong từng thời kỳ;
- b) Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có liên quan đến các mảng lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ mới đều phải được gửi một (01) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo trước khi thực hiện;
- c) Các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi nghiệp vụ được phân công.

39.4. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng

năm của Công ty và phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI

NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Người quản lý khác của Tổng Công ty và vai trò trong quản trị Tổng Công ty

- 40.1. Người quản lý khác của Tổng Công ty bao gồm: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng.
- 40.2. Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương, lợi ích khác cho Người quản lý khác của Tổng Công ty tùy theo thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.
- 40.3. Người quản lý khác của Tổng Công ty có nhiệm vụ quản lý, điều hành các hoạt động của bộ phận/đơn vị do mình phụ trách theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc và có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm người quản lý khác của Tổng Công ty

- 41.1. Người quản lý khác của Tổng Công ty phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;
 - c) Được tin nhiệm trong cương vị công tác;
 - d) Không thuộc đối tượng không được làm Cán bộ điều hành lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật;
 - e) Có bằng đại học trở lên về một trong các lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có ít nhất mười (10) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty;
 - f) Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
 - g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp.
- 41.2. Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc dựa trên các tiêu chuẩn nêu trên để tuyển người có năng lực, trình độ vào làm Người quản lý khác của Tổng Công ty.

Điều 42. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý khác của Tổng Công ty

- 42.1. Hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Người quản lý khác của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền của Hội

đồng quản trị trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và/hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

- 42.2. Tổng Giám đốc ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Người quản lý khác của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc trên cơ sở đề xuất của Chánh Văn phòng Tổng Công ty.
- 42.3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc không đề xuất hoặc có đề xuất, nhưng xét thấy cần thiết và phục vụ cho lợi ích chung của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có quyền xem xét và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý khác của Tổng Công ty.
- 42.4. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

Chương VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 43. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- 43.1. Luôn vì lợi ích chung của Tổng Công ty.
- 43.2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và Tổng Công ty.
- 43.3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành và Người quản lý Tổng Công ty

- 44.1. Phối hợp trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí...
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện thay mặt Tổng Công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với báo chí (trừ công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Tổng Công ty)... Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc sẽ ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban Điều hành thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc nắm bắt đầy đủ nội dung.
 - b) Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành hoặc thành viên Ban Kiểm soát được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.

- c) Các phòng/ban có liên quan chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.

44.2. Phối hợp trong triển khai các nhiệm vụ được giao

- a) Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp đề quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Người quản lý khác của Tổng Công ty phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).
- b) Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban Điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp đề quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
- c) Ban Điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty thực hiện báo cáo định kỳ hoặc khi có yêu cầu theo quy định của Tổng Công ty đầy đủ và đúng thời hạn.
- d) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Người quản lý khác của Tổng Công ty cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

44.3. Phối hợp khác

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý khác của Tổng Công ty tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Tổng Công ty. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Tổng Công ty không được ảnh hưởng đến công việc chung của Tổng Công ty.

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- 45.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
- 45.2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- 45.3. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các nghị quyết, thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp

cho thành viên Ban Kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

- 45.4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, và các thành viên Ban Kiểm soát theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Điều 46. Các Trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- 46.1. Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty khi xét thấy có những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty.
- 46.2. Những vấn đề theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi thực hiện.

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Ban Điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty

- 47.1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao
- a) Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban Điều hành và Người quản lý khác có thể mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp Ban Điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Sau khi cuộc họp kết thúc, Ban Điều hành và Người quản lý khác gửi cho Ban Kiểm soát một (01) biên bản họp để lưu giữ.
 - b) Ban Điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty, Trưởng phòng/ban Tổng Công ty thực hiện báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.
 - c) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, Ban Điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.
 - d) Ban Điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

47.2. Phối hợp khác

Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát tham gia các khóa học nghiệp vụ về kế toán, kiểm toán, quản lý nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và quản trị công ty. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban Kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của Tổng Công ty.

Chương VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác

- 48.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- 48.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.
- 48.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành và Cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 48.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 48.5. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 48.6. Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán hoặc giao dịch dẫn

đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 49. Giao dịch với người có liên quan

- 49.1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
- 49.2. Tổng Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
- 49.3. Tổng Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng Công ty. Tổng Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 50. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

- 50.1. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
- 50.2. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- 50.3. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Tổng Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 50.4. Tổng Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ điều hành khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ điều hành khác mà Tổng Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

- b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty giữa Tổng Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp.

- c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

- 50.5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 51. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty

- 51.1. Tổng Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
- 51.2. Tổng Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương IX

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin

- 52.1. Tổng Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
- 52.2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 53. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Tổng Công ty

Tổng Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

Điều 54. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Tổng Công ty

- 54.1. Tổng Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 54.2. Tổng Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 55. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 56. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

- 56.1. Các giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba

(03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- 56.2. Các giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó người liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 57. Tổ chức công bố thông tin

- 57.1. Tổng Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- 57.2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng Công ty có trách nhiệm sau:
- a) Công bố các thông tin của Tổng Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Chương X

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC

Điều 58. Xử lý vi phạm

- 58.1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Tổng Công ty (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát.
- 58.2. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Người quản lý khác của Tổng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
- 58.3. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ Tổng Công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Tổng Công ty, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật.

Điều 59. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

- 59.1. Quy chế này gồm có 10 chương và 59 điều.
- 59.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng các điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

- 59.3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty thông qua và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành trước đây.
- 59.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty xem xét, quyết định.
- 59.5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Cán bộ điều hành khác và các cán bộ, nhân viên Tổng Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải